

Số: **08/2021/QĐST - DS**

Đồng Phú, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

**Nguyên đơn:* ông F sinh năm 1980; Địa chỉ: số 7, Khu 3, Đường C2, phường P, thành phố T, tỉnh B. Đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1990; Địa chỉ: số 127 Nguyễn Minh H, Phường 12, Quận T, thành phố H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Hiền P, sinh năm 1974. Địa chỉ 98C Tôn Thất T, phường 1, quận 4, thành phố H. Là Luật sư thuộc Công ty luật TNHH MTV P.

**Bị đơn:* ông P, sinh năm 1968; Hộ chiếu C4KR3PKLL; Hộ khẩu thường trú: Số 948, T, phường 7, quận 5, thành phố H. Nơi làm việc: Công ty cổ phần đúc và chế tạo khuôn mẫu CEM, Lô L5, L6, K10, K12, đường D5 KCN B, kp K, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh B.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty cổ phần đúc và chế tạo khuôn mẫu C. Trụ sở: Lô L5, L6, K10, K12, đường D5 KCN B, kp K, thị trấn T huyện Đ, tỉnh B. Đại diện theo pháp luật là ông P – chức vụ giám đốc

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ: Nguyên đơn ông F đại diện theo ủy quyền là anh Nguyễn Văn A; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lâm Hiền

P; bị đơn ông P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần đúc và chế tạo khuôn mẫu C do ông P làm đại diện; thống nhất thỏa thuận: ông P còn nợ của ông F tổng số tiền là 12.013.365.000 đồng (*Mười hai tỷ không trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*) (trong đó tiền gốc là 11.277.550.000 đồng và tiền lãi là 735.815.000 đồng).

Phương thức và thời hạn trả nợ: Vào ngày 29/4/2022 ông P có trách nhiệm trả cho ông F toàn bộ số tiền 12.013.365.000 đồng (*Mười hai tỷ không trăm mười ba triệu ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

Các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự (làm tròn số) là 60.006.000 đồng (Sáu mươi triệu không trăm lẻ sáu ngàn đồng), các bên đương sự thống nhất thỏa thuận là ông P nộp. Hoàn lại cho ông F số tiền tạm ứng án phí là 85.411.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018707 ngày 08/02/2022 và số 0018744 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Phú

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương

